LỢI ÍCH DÂN TỘC VÀ PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN LỢI ÍCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đoàn Văn Khái*

Tóm tắt

Lợi ích dân tộc và phương thức thực hiện lợi ích dân tộc là một trong những nội dung chính yếu trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo Hồ Chí Minh, lợi ích dân tộc trước hết là độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, hòa bình, thống nhất đất nước cho dân tộc Việt Nam và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Để đạt được những lợi ích dân tộc cơ bản này, theo Người, phải thực hiện tổng hợp các phương thức như: Độc lập, tự chủ trong tư duy và hành động; tự lực, tự cường dân tộc đi đôi với đoàn kết và hợp tác quốc tế; xử lý đúng đắn quan hệ với các nước lớn; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, dân tộc với quốc tế; dĩ bất biến, ứng vạn biến; dự báo được thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ.

Từ khóa: *Lợi ích dân tộc, phương pháp thực hiện lợi ích dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh.*

Mã số: 135.170315. Ngày nhận bài: 17/03/2015. Ngày hoàn thành biên tập: 01/04/2015; Ngày duyệt đăng: 01/05/2015

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc

Tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc là một bộ phận hữu cơ trong toàn bộ hệ thống tư tưởng của Người về cách mạng Việt Nam. Các tư tưởng, nguyên tắc và phương châm chủ đạo như "không có gì quý hơn độc lập, tự do", "dĩ bất biến, ứng vạn biến", "thêm bạn, bớt thù", "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", "tăng cường nội lực", "tự cứu lấy mình",… chính là sự kết tinh hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối, chính sách, quan hệ đối ngoại. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt tất cả hệ thống tư tưởng đó là lợi ích quốc gia dân tộc của Việt Nam trong các thời kỳ khác nhau. Có thể nhận thấy cách đề cập vấn đề lợi ích dân tộc của Hồ Chí Minh trải qua ba thời kỳ chính.

Thời kỳ đầu, kể từ khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, chính chủ nghĩa dân tộc,

tinh thần dân tộc và lợi ích dân tộc Việt Nam là yếu tố chủ đạo trong tư tưởng cách mạng của Người. Về sau, khi đã giác ngộ để rồi tin theo chủ nghĩa Mác – Lênin, trở thành một trong những lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế, Người đã giữ vững chủ nghĩa, thực hành đạo làm người của nhà cách mạng, song

* PGS, TS, Trường Đại học Ngoại thương, Email: doanvankhai@gmail.com

trước sau như một cũng chỉ vì độc lập cho Tổ quốc, tự do và hạnh phúc cho dân tộc và đồng bào. Là một lãnh tụ của phong trào cộng sản quốc tế, song Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước…Giờ đây, người ta sẽ không thể làm được gì cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại và duy nhất của đời sống xã hội của họ".[1] Đáng chú ý rằng cách tiếp cận từ chủ nghĩa dân tộc, từ lợi ích dân tộc của Người chưa hẳn đã được ghi nhận trong phong trào cộng sản quốc tế những năm 20 – 30 của thế kỷ XX. Thậm chí Người còn gặp không ít khó khăn vì bị coi là có tư tưởng dân tộc chủ nghĩa khi hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế cũng như trong nước. Nhưng Người vẫn luôn kiên trì tư tưởng này, nghĩa là tư tưởng lấy lợi ích dân tộc (mà lúc này lợi ích dân tộc cơ bản của Việt Nam là *giải phóng dân tộc*) làm "cẩm nang" cách mạng. Có thể nói, chủ trương giải phóng dân tộc là một tư tưởng lớn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, một tư tưởng vượt trước thời đại, chứng tỏ sự dũng cảm và bản lĩnh của Người để vượt ra mọi rào cản giáo điều.

Năm 1941, sau khi về nước nắm vai trò lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc và chuẩn bị lực lượng giành chính quyền, vấn đề lợi ích dân tộc càng được đề cao trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người khẳng định: "Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy".[2] Hồ Chí Minh còn cho rằng thực hiện được quyền lợi dân tộc trước sẽ tạo tiền đề cho thực hiện quyền lợi giai cấp. Trước khi cuộc cách mạng Tháng Tám nổ ra, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".[3] Trong bối cảnh chính trị thế giới nửa đầu thế kỷ XX và tình trạng thù trong giặc ngoài ở Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định lúc này *tự do và độc lập* là những *quyền lợi cơ bản nhất, cấp bách nhất* của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng phục vụ quyền lợi dân tộc của Người ngày càng được quán triệt và thấm nhuần trong những người cộng sản Việt Nam, và trở thành là động lực vô cùng quan trọng để Đảng và nhân dân Việt Nam vượt qua những thử thách hiểm nghèo, thực hiện cuộc cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Kết thúc bản "Tuyên ngôn độc lập", Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định với thế giới: "Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".[4] Có thể nói, giải quyết thành công mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, đặt giải phóng dân tộc trên lập trường giai cấp công nhân là một trong những sáng tạo lý luận lớn nhất của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước, do Việt Nam là một nước nhỏ chống lại một nước đế quốc hùng mạnh, nên theo Hồ Chí Minh, để đạt được lợi ích dân tộc cần tăng cường tập hợp các lực lượng tiến bộ trên thế giới ủng

[1] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Hà Nội, 2000, tr. 128.
[2] Hồ Chí Minh, 2002, tr.198
[3] Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử, Tập 2, tr. 140 - 141.
[4] Hồ Chí Minh, 2006, tr. 4.

hộ cuộc kháng chiến này, vì thế Người luôn nêu cao chủ nghĩa quốc tế và đoàn kết quốc tế. Trên thực tế, Người cũng đã luôn thể hiện chủ nghĩa quốc tế và tinh thần đoàn kết quốc tế, trước hết trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, sau nữa là đoàn kết với phong trào giải phóng dân tộc cũng như với các lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới. Nhưng trong bối cảnh thế giới bị chi phối bởi trật tự hai phe, hai cực đối đầu, trong nội bộ Đảng và Chính phủ, nhiều cán bộ của ta chỉ tập trung vào tiêu chí ý thức hệ và đấu tranh giai cấp cả trong tư duy lẫn trong hành động. Trước thực tế ấy, Hồ Chí Minh đã phải luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên rằng cần nêu cao "lợi ích dân tộc", nhấn mạnh rằng chúng ta "phải có tinh thần dân tộc vững chắc".[5] Người căn dặn cán bộ, đảng viên ngành ngoại giao "muốn làm gì cũng cần vì lợi ích dân tộc mà làm", và "phải luôn luôn vì lợi ích của dân tộc mà phục vụ".[6]

Lợi ích dân tộc cũng được Hồ Chí Minh coi là tiêu chí để phân biệt bạn – thù, là cơ sở để phân hoá kẻ thù và tập hợp lực lượng. Người cho rằng: "Đối với người, ai làm gì lợi ích cho dân, cho Tổ quốc ta đều là bạn. Bất kỳ ai làm điều gì có hại cho nhân dân và Tổ quốc ta tức là kẻ thù. Đối với mình, những tư tưởng và hành động có lợi cho Tổ quốc, cho đồng bào là bạn, những tư tưởng có hại cho Tổ quốc và đồng bào là kẻ thù. Thế là chẳng những ở ngoài, mà chính trong mình ta cũng có bạn thù. Vì vậy, chúng ta cần phải ra sức tăng cường bạn ở trong và ở ngoài, kiên quyết chống lại kẻ thù ở ngoài và ở trong mình ta".[7]

Một điểm rất đáng chú ý nữa, đó là Hồ Chí Minh vẫn thường nhắc nhở rằng, trên thực tế tất cả các nước đều vì lợi ích dân tộc của mình mà hành động. Liên quan đến điều này, trước hết xin dẫn lời của Huân tước Panmécton - Thủ tướng Vương quốc Anh hồi chiến tranh Crưm (giữa thế kỷ XIX), những lời mà mãi đến ngày nay vẫn mang tính thời sự, rằng: "Nước Anh không có kẻ thù vĩnh viễn và đồng minh vĩnh viễn. Nước Anh chỉ có lợi ích vĩnh viễn".[8] C. Mác cũng đã từng khẳng định: "Tất cả những gì mà con người đấu tranh để giành lấy đều gắn liền với lợi ích của họ".[9] Chính vì nhận thức rất rõ thực tế này, nên Hồ Chí Minh cho rằng thái độ "gọi nôm na là ai lo phận nấy" là "điều bình thường". Người chỉ rõ rằng: "Các nước lo phần các nước ấy, chúng ta phải lo phần chúng ta".[10] Tuy nhiên, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, lợi ích dân tộc luôn gắn với lợi ích giai cấp và không có sự tách biệt giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Tóm lại, trên phương diện quốc gia dân tộc, Hồ Chí Minh nhìn nhận lợi ích của dân tộc trước hết là độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, hoà bình, thống nhất đất nước cho dân tộc Việt Nam và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Trên phương diện quốc tế, Hồ Chí Minh nhấn mạnh quyền dân tộc, trong đó có quyền bình đẳng, quyền độc lập, tự chủ, tự do thực sự, quyền toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, quyền được sống trong hoà bình, quyền tự quyết của dân tộc. Hồ Chí Minh thể hiện rõ quan điểm này trong "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", khi Người

---

[5] Hồ Chí Minh, 2000, Tập 7, tr. 455.
[6] Hồ Chí Minh nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao năm 1964, Hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao Việt Nam
[7] Hồ Chí Minh, 2006, tr. 18.
[8] Từ điển ngoại giao,1985, tr. 334 (tiếng Nga).
[9] C. Mác và Ph. Ăngghen, Hà Nội, 1993, tr. 109.
[10] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 117.

nhấn mạnh: "Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".[11] Người khẳng định: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do".[12]

2. Các phương thức thực hiện lợi ích dân tộc của Việt Nam trong quan hệ quốc tế theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Thứ nhất, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường đi đôi với đoàn kết và hợp tác quốc tế.

* *Độc lập, tự chủ trong tư duy:* Một trong những điểm nổi bật nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh là tư duy độc lập, không giáo điều, rập khuôn, mà luôn cố gắng nắm bắt thật chính xác thực trạng tình hình trong nước và cục diện thế giới, từ đó đào sâu suy nghĩ, ra sức tìm tòi về hướng đi, cách luận giải sao cho bảo đảm lợi ích của dân tộc Việt Nam. Có thể nói, với tư duy độc lập và sáng tạo, đứng từ góc nhìn cụ thể của cách mạng Việt Nam và những trải nghiệm thực tế trong mấy chục năm bôn ba tìm đường cứu nước cũng như khi về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tìm ra cách luận giải mới bảo đảm lợi ích thiết thực của dân tộc Việt Nam mà không đối lập với quan điểm chính trị chính thống của Quốc tế cộng sản.

* *Độc lập, tự chủ trong hành động:* Để vững lái con thuyền cách mạng Việt Nam trong một thế giới mà các nước lớn đóng vai trò chi phối đời sống quốc tế, trong ý chí cũng như trong hành động, Hồ Chí Minh đã thể hiện một tinh thần độc lập, tự chủ mẫu mực, kiên định trong ý chí, tự chủ trong hành động; đối với kẻ thù thì kiên quyết, khôn khéo, đối với đồng minh thì vừa đoàn kết, vừa đấu tranh. Và trong "dĩ bất biến, ứng vạn biến", cái bất biến chính là lợi ích của dân tộc Việt Nam.

* *Tự lực, tự cường dân tộc đi đôi với đoàn kết, hợp tác quốc tế:* Ngay từ những ngày đầu cách mạng, Hồ Chí Minh đã nêu rõ quan điểm phải "lấy sức ta giải phóng cho ta", "nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến" chống thực dân Pháp. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Con đường cách mạng của Việt Nam không phải là làm cách mạng vô sản thế giới rồi nhờ sự thắng lợi hay sự giúp đỡ của thế giới để giải phóng dân tộc Việt Nam. Con đường cách mạng Việt Nam là con đường được thực hiện bằng sự nỗ lực và sức mạnh của chính mình, là sự tranh thủ thời cơ và sự giúp đỡ bên ngoài, để dân tộc ta và sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta lớn mạnh, chủ động vươn lên, tự giải phóng cho mình và qua đó góp phần vào cách mạng thế giới. Người cũng cho rằng muốn có sự ủng hộ, giúp đỡ bên ngoài thì trước hết chúng ta phải có thực lực. Thực lực ở đây là sức mạnh tổng hợp quốc gia, trong đó sức mạnh kinh tế, quốc phòng là quan trọng nhất. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao"; "Ta có mạnh thì họ mới đếm xỉa đến. Ta yếu thì ta chỉ là khí cụ trong tay kẻ khác, dầu là kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy".[13] Vì vậy, bài học rút ra là "muốn người ta giúp cho thì trước hết mình phải tự giúp lấy mình đã"; "lấy sức ta mà giải phóng cho ta".

Đồng thời, Hồ Chí Minh luôn ý thức rõ ràng rằng cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Vì vậy, chủ trương độc lập, tự chủ của Người là nhằm

[11] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 8.
[12] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 480
[13] Hồ Chí Minh nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao năm 1964, Hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao Việt Nam

đảm bảo lợi ích dân tộc chân chính, thực hiện được các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhưng tuyệt đối không rơi vào xu hướng biệt lập, chủ nghĩa biệt phái hay ích kỷ, hẹp hòi. Ngày 3/8/1956, Người viết trên báo Sự thật (Liên Xô): "Trong tình hình quốc tế hiện nay, những đặc điểm dân tộc và những điều kiện riêng biệt ở từng nước ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong việc vạch ra chính sách của mỗi đảng cộng sản và mỗi đảng công nhân… nhưng đồng thời đảng của chúng tôi cũng phải hiểu rõ rằng không thể hạn chế những hoạt động hiện nay và tương lai của chúng tôi trong khuôn khổ dân tộc thuần tuý, rằng những hoạt động đó có muôn ngàn sợi dây liên hệ với cuộc đấu tranh chung của thế giới tiến bộ".[14] Để có thể chiến thắng những kẻ thù mạnh hơn mình nhiều lần trong bối cảnh thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Hồ Chí Minh luôn chủ trương phải đoàn kết và tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của các nước, nhất là các nước xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đã kết hợp nhuần nhuyễn độc lập tự chủ với đoàn kết, hợp tác quốc tế, vừa tranh thủ, vừa đấu tranh để thực hiện các mục tiêu của dân tộc, nghĩa là kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp để bảo vệ quyền lợi của dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, coi trọng các nước lớn, xử lý đúng đắn quan hệ với các nước lớn và đánh giá đúng tác động của cục diện quan hệ giữa các nước lớn đến nước ta.

Một là, coi trọng nước lớn và quan hệ với các nước lớn nhằm bảo vệ lợi ích của dân tộc Việt Nam.

Đối với các nước lớn, các cường quốc, thì trong lịch sử nhân loại, họ đã nhiều lúc, nhiều thế kỷ giữ vai trò quyết định trật tự thế giới và chi phối hệ thống các quan hệ quốc tế. Chiến tranh hay hòa bình, hòa hoãn, quan hệ đối kháng hay liên minh giữa các nước lớn thường đóng vai trò là nhân tố chi phối chủ yếu tới số phận các quốc gia - dân tộc nhỏ yếu. Sự thật lịch sử cho thấy, bất kể các nước lớn quan hệ với nhau như thế nào đi nữa, các nước nhỏ vẫn thường phải chịu thiệt thòi hơn, thậm chí trở thành vật hy sinh cho tham vọng, cho lợi ích của các nước lớn. Tuy nhiên, nếu các nước nhỏ có đối sách đúng đắn, biết cách khai thác những mối quan hệ tuỳ thuộc lẫn nhau, biết ứng xử khôn khéo, linh hoạt và kịp thời thì có thể hạn chế được những thoả hiệp giữa các nước lớn bất lợi cho mình.

Trong khi nhấn mạnh tinh thần tự lực, tự cường và biết rõ bản chất cũng như tham vọng của các nước lớn, Hồ Chí Minh vẫn đề cao việc thiết lập và phát triển quan hệ với các nước lớn. Đó là vì Người nhận thức rõ vai trò của các nước lớn trong cấu trúc quyền lực thế giới, trong đời sống chính trị - kinh tế thế giới. Vì thế, trong quan hệ quốc tế cũng như trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng việc xử lý đúng đắn quan hệ của Việt Nam đối với các nước lớn. Việt Nam là một nước nhỏ yếu, nên theo Hồ Chí Minh, một trong những phương châm tối ưu trong xử lý quan hệ với các nước lớn là "dàn xếp sao cho đại sự thì thành tiểu sự và tiểu sự thì thành vô sự".[15] Phương sách đối ngoại vừa hợp tác, vừa đấu tranh trong quan hệ với các nước lớn được thực hiện trong mọi hoàn cảnh, cả khi

[14] Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1960, tr.596
[15] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 167

Việt Nam bị bao vây, không có đồng minh nào giúp đỡ cũng như khi Việt Nam có đồng minh là các nước xã hội chủ nghĩa. Lịch sử ngoại giao Việt Nam từ sau khi giành được độc lập đã chứng tỏ tính đúng đắn của phương sách ngoại giao trong quan hệ với các nước lớn của Hồ Chí Minh.

Hai là, thêm bạn, bớt thù, tranh thủ đồng minh, tránh cùng một lúc phải đối đầu với nhiều nước lớn, phân hoá hàng ngũ đối phương.

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố với cả thế giới rằng, Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả các nước dân chủ, không gây thù oán với một ai"[16] và ra sức tìm kiếm bạn đồng minh dầu rằng tạm thời bấp bênh, có điều kiện. Hồ Chí Minh cũng chủ trương Việt Nam nên tránh đối đầu chừng nào còn có thể tránh được trong quan hệ với các nước lớn. Người luôn cố gắng tìm ra điểm tương đồng lợi ích giữa Việt Nam và họ, đồng thời chú ý lợi dụng những mâu thuẫn và khác biệt giữa các nước lớn để tìm ra cách xử lý khôn khéo, linh hoạt để phân hoá hàng ngũ đối phương và để tránh bị kẹt trong xung đột giữa các nước lớn. Người cũng ra sức tránh rơi vào tình thế cùng một lúc phải đối đầu với nhiều nước lớn, mà điển hình cho đối sách trên là sách lược hoà với Tưởng ở miền Bắc để chống Pháp ở miền Nam và sau đó hoà với Pháp để đuổi quân Tưởng về nước trong những năm tháng cam go "ngàn cân treo sợi tóc" của đất nước ta sau cách mạng Tháng Tám.

Ba là, đánh giá đúng cục diện quan hệ giữa các nước lớn và tác động của cục diện đó đến Việt Nam. Để xử lý tốt mối quan hệ với các nước lớn, điều quan trọng trước tiên là đánh giá đúng cục diện quan hệ giữa các nước lớn và tác động của cục diện đó đến sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Có thể nói, Hồ Chí Minh rất am hiểu các nước lớn là đồng minh cũng như các nước lớn là đối phương, biết được lợi ích, mối quan tâm và chiến lược chủ yếu của họ. Người cũng thấu hiểu bản chất nền chính trị, ngoại giao nước lớn, những giới hạn của các mối quan hệ nước lớn và những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của thực trạng đó đến Việt Nam để từ đó ta có thể đưa ra những đối sách đúng đắn, kịp thời.

Thứ ba, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, dân tộc với quốc tế, tập hợp lực lượng nhiều tầng nấc khác nhau.

Theo Hồ Chí Minh, đây là một phương thức rất quan trọng để đảm bảo lợi ích dân tộc của Việt Nam.

Nói đến sức mạnh dân tộc Việt Nam, là nói đến sức mạnh tổng hợp của các yếu tố vật chất (kinh tế, quốc phòng) và tinh thần (ý chí, các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa,…), truyền thống và hiện đại. (Hiện nay người ta nói nhiều đến sức mạnh kinh tế và sức mạnh quân sự là hai thành tố của "sức mạnh cứng"; còn sức mạnh của nền chính trị, của các giá trị văn hoá – tinh thần, của khả năng chinh phục người khác, nước khác bằng sức hấp dẫn của tất cả những yếu tố này và gọi đó là "sức mạnh mềm"). Về chính trị, đó trước hết là sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là sức mạnh của lòng yêu nước và sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, là sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng cầm quyền. Về quân sự - quốc phòng, đó là sức mạnh của thế trận chiến tranh nhân dân và ba thứ quân, là tài thao lược của

[16] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 220

các nhà cầm quân. Về ngoại giao, đó là sức mạnh kết tinh từ các thành tựu ngoại giao của Đảng (đối ngoại chính đảng), của Nhà nước (ngoại giao nhà nước) và của nhân dân (đối ngoại nhân dân). Trong cuộc đấu tranh giành chính quyền cũng như giải phóng đất nước, chúng ta đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo ra được sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết dân tộc, lấy đó làm cơ sở để phát huy sức mạnh của dân tộc trên mọi lĩnh vực. Hồ Chí Minh nhấn mạnh và chỉ rõ, đoàn kết là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nên nêu cao khẩu hiệu: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, Thành công, thành công, đại thành công".

Còn nói đến sức mạnh thời đại, thì nội hàm của khái niệm sức mạnh thời đại luôn mang những nội dung mới, phản ánh sự phát triển của lịch sử, những thành tựu nổi bật trong quá trình phát triển của nhân loại, những trào lưu tiến bộ trong quá trình vận động của chính trị quốc tế trong từng giai đoạn khác nhau. Nói một cách cụ thể hơn, theo Hồ Chí Minh thì sức mạnh thời đại được hiểu là hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; là sức mạnh của chủ nghĩa quốc tế chân chính, của các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc; là sức mạnh của nhân dân yêu chuộng hoà bình và tiến bộ trên thế giới; là những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật,….

Việt Nam là một nước không lớn, có trình độ phát triển còn thấp, nên trong xung đột lợi ích với các nước lớn hơn, cán cân thường nghiêng về các nước lớn hơn. Nhưng nếu chúng ta tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế đối với sự nghiệp chính nghĩa của Việt Nam thì có thể tạo ra một cán cân lực lượng mới có lợi hơn cho việc bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc. Trên phạm vi thế giới, sức mạnh quốc tế có được nhờ những tập hợp lực lượng khác nhau trên cơ sở tương đồng về một số lợi ích nhất định. Đối với một nước như Việt Nam, điều hết sức quan trọng là tìm ra điểm tương đồng về lợi ích để tập hợp lực lượng rộng rãi phục vụ cho các mục đích của chúng ta trong từng thời kỳ. Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quan niệm: "Ai làm cách mạng trên thế giới đều là đồng chí của dân An Nam". Còn sau khi đã giành chính quyền thì: "Mục đích của ta lúc này là tự do, độc lập; ý chí của ta lúc này là dân chủ, hòa bình; bạn của ta trong giai đoạn này là tất cả những nước nào, những dân tộc hay lực lượng nào trên thế giới tán thành mục đích ấy, cùng ta chung một ý chí ấy".[17] Người cũng cho rằng, hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội là những ngọn cờ để tập hợp các lực lượng quốc tế khác nhau. Đối với Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ, thì đó là tập hợp tất cả những lực lượng quốc tế có cùng mẫu số chung là ủng hộ Việt Nam chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Thứ tư, "dĩ bất biến, ứng vạn biến".

Hồ Chí Minh nêu rõ: "Mục đích bất di bất dịch của chúng ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì phải linh hoạt".[18] Đó chính là tinh thần của phương châm ngoại giao "dĩ bất biến, ứng vạn biến" của Người. "Dĩ bất biến" ở đây chính là lợi ích dân tộc, mà trước hết là độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, hòa bình và thống nhất đất nước Việt Nam. Còn "ứng vạn biến" là

[17] Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng Toàn tập, Hà Nội, 2000, tr. 437
[18] Hồ Chí Minh, 2000, tr. 319

có thể có những nhân nhượng trong giới hạn nhất định trên cơ sở đánh giá đúng đối tác, đối thủ cũng như về chiều hướng chuyển biến của so sánh lực lượng, về những mặt thuận và nghịch của tình hình quốc tế trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể, từ đó có những bước đi, sách lược phù hợp, nghĩa là phải quán triệt và vận dụng tốt quan điểm lịch sử - cụ thể của phép biện chứng duy vật. Thực hiện "dĩ bất biến, ứng vạn biến" trong hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giữ vững mục tiêu, bản lĩnh vững vàng, hành động quyết đoán song khôn khéo, mau lẹ và kịp thời ứng phó thích hợp với từng hoàn cảnh, từng tình thế, từng đối tượng trong từng trường hợp và vấn đề cụ thể. Đây còn là sự kết hợp hài hoà giữa kiên quyết và mềm dẻo, giữa chiến lược và sách lược, chủ động, sáng tạo trong tấn công ngoại giao; nhận biết, tạo dựng và nắm bắt cơ hội, để bảo vệ và thực hiện tốt nhất lợi ích quốc gia dân tộc. Việc ký Hiệp định sơ bộ ngày 6.3.1946 là một ví dụ điển hình cho việc vận dụng tài tình, sáng tạo phương thức "dĩ bất biến, ứng vạn biến" đó.

Thứ năm, dự báo được thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ.

Dự báo được thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ là một phương pháp quan trọng trong quá trình hoạch định đường lối, chính sách đối ngoại, đồng thời cũng là một phương thức để thực hiện lợi ích dân tộc. Với tài năng kiệt xuất của một lãnh tụ, vận dụng phương pháp biện chứng duy vật, kết hợp với triết lý phương Đông, triết lý của Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những dự báo, những tiên liệu chính xác về chiều hướng của cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam. Ví như, năm 1960 Hồ Chí Minh đã dự báo, toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh thì chậm lắm là 15 năm nữa Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Hay vào cuối năm 1967 khi làm việc với Bộ Tư lệnh Phòng không – Không quân, Người đã dự báo, sớm muộn đế quốc Mỹ cũng sẽ đem B52 đánh ra Hà Nội; cuộc kháng chiến chống Mỹ sẽ hoàn toàn thắng lợi, nhưng chỉ sau khi Mỹ đã thua trên bầu trời Hà Nội.[19] Những dự báo này của Hồ Chí Minh đã góp phần to lớn vào việc Đảng đề ra những chiến lược, sách lược đúng đắn, tích cực chuẩn bị lực lượng nắm thời cơ giành thắng lợi. Có thể khái quát phương pháp dự báo thời cơ và nắm bắt đúng thời cơ của Hồ Chí Minh ở những điểm cơ bản sau:

- Phân tích hệ thống, toàn diện để chỉ ra những mối liên hệ, quan hệ biện chứng giữa Việt Nam với khu vực và thế giới, cũng như chỉ ra các xu thế lớn và các quy luật vận động chung tác động đến Việt Nam. Phương pháp tư duy này là một bước nhảy vọt trong nhận thức về con đường giải phóng dân tộc của Việt Nam.

- Phân tích sự xuất hiện cường quốc mới, mâu thuẫn giữa các trung tâm quyền lực và giữa các đối tác để dự báo chiều hướng vận động của quan hệ quốc tế và vận hội của đất nước.

- Phân tích tương quan lực lượng, chiều hướng phát triển của tình hình để dự báo khả năng, thời điểm và thời cơ của cách mạng.

- Chủ động chuẩn bị lực lượng để có thể giành thắng lợi khi thời cơ tới.

Tóm lại, phương thức thực hiện lợi ích dân tộc của Hồ Chí Minh rất phong phú và linh hoạt, là minh chứng sinh động về tài

[19] Hồi ký của Phùng Thế Tài, tháng 12 - 1987..

năng xuất chúng của một lãnh tụ mẫu mực cả trên phương diện lý luận lẫn trong hoạt động thực tiễn. Tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích dân tộc và phương thức thực hiện lợi ích dân tộc trong quan hệ quốc tế vẫn vẹn nguyên giá trị và tính thời sự của nó, nên cần được nhận thức đầy đủ và vận dụng sáng tạo vào quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.❑

Abstract

National benefit and methods to implement national benefit is one of the most important contents in Hochiminh ideology. According to this ideology, national benefit at first is independence, sovereignty, resilience, peace, unification for the country and freedom, happiness for the Vietnamese citizens. To obtain these basic national benefits, Hochiminh confirms that it is necessary to implement comprehensively such the methods as: independence, self-control in mind and action, national self-reliance, self esteem together with international solidarity and co-operation; having a proper attitude in relationship with big countries, combining the strength of the nation with the strength of the era, immutable course responds to the variables, forecasting and taking advantage of the opportunity.

Key words: National benefit, methods to implement national benefit, Hochiminh ideology.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG, Tập 8.
2. Hồ Chí Minh, 2000, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập 3.
3. Hồ Chí Minh, 2000, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập 4.
4. Hồ Chí Minh, 2000, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập 5.
5. Hồ Chí Minh, 2000, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập 7.
6. Hồ Chí Minh, 2000, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập 10.
7. Hồ Chí Minh, 1960, *Tuyển tập*, Hà Nội: Nxb Sự thật.
8. Hồ Chí Minh, 2006, *Biên niên tiểu sử*, Hà Nội: Nxb CTQG, Tập 2.
9. Hồ Chí Minh, 2006, *Biên niên tiểu sử*, Hà Nội: Nxb CTQG, Tập 6.
10. Hồ Chí Minh, 2006, *Biên niên tiểu sử*, Hà Nội: Nxb CTQG, Tập 10.
11. Hồ sơ lưu trữ của Bộ Ngoại giao Việt Nam, *Hồ Chí Minh nói chuyện tại Hội nghị ngoại giao năm 1964*.
12. C. Mác và Ph. Ăngghen, 1993, *Toàn tập*, Hà Nội: Nxb CTQG Tập.
13. *Hồi ký của Phùng Thế Tài*, Tạp chí Lịch sử quân sự, tháng 12 - 1987
14. 1985, *Từ điển ngoại giao*, Mátxcơva: Nxb Khoa học, tập 2 (tiếng Nga).